TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮKLẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2017/HSST.
Ngày 20/9/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Y Ngọc Ê Ban – Bí thư đoàn xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn.
- Bà Trần Thị Mai Thu – Trưởng phòng Y Tế huyện Buôn Đôn.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại UBND xã Tân Hòa - Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2017/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Minh T** - Sinh năm 1992 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông: Vi Minh S (Chết).

Con bà: Nông Thị Bích H - Sinh năm 1966.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017 hiện đang bị tạm giam – có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

Ông Nguyễn T - Sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nông Thị Bích H – Sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

Ông Trần Quang T – Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dụng vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 ngày 25/10/2016, Vi Minh T đi đến khu vực Thôn B, xã T, huyện B tìm sơ hở của người dân để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà ông Nguyễn T, Vi Minh T quan sát thấy phía sau nhà ông Nguyễn T có một cửa ra vào không khóa, Vi Minh T dùng tay kéo cửa đi vào phía trong nhà thì thấy có 02 người đang ngủ trên giường và 01 chiếc điện thoại hiệu OPPO đang xạc pin gần giường ngủ. Thấy vậy, Vi Minh T tiếp cận lấy điện thoại và bỏ vào túi quần. Sau khi lấy được tài sản, Vi Minh T đi bộ về nhà ở của mình, đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Vi Minh T mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại Tiến T của ông Trần Quang T bán cho ông Trần Quang T với giá 1.500.000 đồng. Số tiền bán điện thoại Vi Minh T dùng để tiêu xài cá nhân.

Sau khi phạm tội Vi Minh T đã bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 06/6/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã bắt được Vi Minh T theo quyết định truy nã số 03 Ngày 22/5/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 27/10/2016 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B xác định: Vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 25/10/2016 tại phòng ngủ của gia đình ông Nguyễn T thuộc Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-ĐGTS ngày 15/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO NEO A33W, màu đen do Vi Minh T trộm cắp trị giá 2.800.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại hiệu OPPO màu đen – xám là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn T. Xét thấy việc trả lại tài sản không làm ảnh hưởng đến quá trình điều tra vụ án, nên ngày 22/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho ông Nguyễn T.

Ngày 31/7/2017, bà Nông Thị Bích H là mẹ của Vi Minh T đã đến Công an huyện B giao nộp số tiền 1.500.000 đồng mà Vi Minh T đã bán điện thoại cho anh Trần Quang T, anh Trần Quang T đã nhận lại số tiền 1.500.000 đồng.

Tại phiên toà bị cáo Vi Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với quyết định truy tố, không có ý kiến gì về nội dung của bản cáo trạng.

Tại phiên tòa bị hại ông Nguyễn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang T đã nhận đủ tài sản nên không có ý kiến yêu cầu gì thêm về bồi thường thiệt hại.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vi Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự; điểm b, g, h, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Vi Minh T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

+Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

- Về vật chứng vụ án: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại chiếc điện thoại hiệu OPPO màu đen xám cho ông Nguyễn T là chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn T và ông Trần Quang T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác về mặt dân sự nên không đề cập giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Tại phiên tòa bị cáo Vi Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, nên vào khoảng 01 giờ 00 ngày 25 tháng 10 năm 2016, Vi Minh T đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc điện thoại hiệu OPPO màu đen xám của ông Nguyễn T tại thôn B, xã T, huyện B. Tài sản bị trộm cắp trị giá 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo Vi Minh T đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại Điều 138 của Bộ luật hình sự qui định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, và còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương, sau khi phạm tội còn bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra xử lý vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tích chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, gây thiệt hại

không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa phía bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số. Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Về biện pháp tư pháp: Cần chấp nhận theo đề nghị của Viện kiểm sát để xử lý.

Trong vụ án này có ông Trần Quang T đã mua chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO NEO A33W, màu đen – xám của Vi Minh T, ông Trần Quang T không biết đó là tài sản do Vi Minh T trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vi Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự; điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Vi Minh T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 06/6/2017.

+Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại chiếc điện thoại hiệu OPPO màu đen xám cho ông Nguyễn T là chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn T và ông Trần Quang T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác về mặt dân sự nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a, Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vi Minh T phải nộp 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Bùi Xuân Sơn

+ Nơi nhận:
- TAND tỉnh ;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu HS;